TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/DS-PT
Ngày: 15 - 3 - 2024
Về việc: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

*Các Thẩm phán:*Bà Lê Thị Vân

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2023/TLPT-DS ngày 12/12/2023 về việc *"Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"*. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 125/2024/TB-PT ngày 26/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Khánh L, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1975; bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh T - Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Vợ chồng ông Lã Văn H, sinh năm 1979; bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Vợ chồng ông Lê Hồng P1, sinh năm 1975; bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.5. Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.6. Anh Hoàng Vũ L3, sinh năm 1984; anh Hoàng Văn N, sinh năm 1987; anh Hoàng Lâm V, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Người làm chứng:

4.1. Anh Nhân Văn T2 - Cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ.

4.2. Anh Trần Thế V1 - Cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân P; bà Hoàng Thị L1.

(Ông L, ông P, bà L1, Luật sư T, bà Vân A1 có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2022, bản tự khai, lời khai, nguyên đơn ông Hoàng Khánh L trình bày:

Ông có thửa đất số 188, tờ bản đồ số 14, diện tích hiện tại là 5.756m^2 (đã chỉnh lý biến động do nhà nước thu hồi để làm đường) khai phá năm 1980, đã được đo đạc, lập bản đồ địa chính và ngày 20/12/1997 được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số L 005285, vào sổ cấp GCNQSDĐ 00561 QSDĐ/QĐ-UB (H), phía Đông giáp thửa 362 của gia đình, phía Tây một phần giáp đường đi thôn I, một phần giáp với thửa 187 có số đo là 32m+66m, phía Bắc một phần giáp thửa 187 có số đo là 18m+70m, một phần giáp đường xóm, phía Nam giáp ngõ đi của gia đình. Nguyên thửa đất số 187, thuộc tờ bản đồ số 14 ban đầu thuộc hộ ông Trần Văn T3 (đã chết tháng 7/2012) có diện tích là 1.204m^2, đến năm 2000 hộ ông T3 chuyển nhượng cho ông Lê Hồng P1, đến năm 2004 ông P1 lại chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Lã Văn H với diện tích là 387m^2 (thửa mới 339). Đến năm 2017, ông H làm thủ tục xin cấp đổi lại thửa đất, đã được đo vẽ sơ đồ thửa đất và cấp GCNQSDĐ với diện tích là 467,60m^2 và lại chuyển nhượng cho hộ Nguyễn Xuân P và Hoàng Thị L1. Đến tháng 3/2018 ông làm thủ tục chuyển nhượng cho con, khi cán bộ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xuống đo lại thửa đất, thì bị gia đình anh P cản trở. Ông đã làm đơn đề nghị UBND xã cử công chức địa chính tiến hành đo đạc, xác định mốc giới, đã hai lần UBND xã cùng Hội đồng hòa giải mời hai gia đình và người làm

chứng đế hòa giải và cắm mốc tại thực địa, nhưng ông P không hợp tác và thiếu thiện chí, không đến mà cho vợ đến gây khó khăn cho việc hòa giải.

Nay ông làm đơn này mong Tòa án giải quyết tranh chấp buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 trả lại phần diện tích 55m^2.

2. Bị đơn ông Nguyễn Xuân P: Đã được thông báo đến Tòa án để làm việc nhưng vắng mặt không lý do tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải. Bà Hoàng Thị L1 đến Tòa án làm việc nhưng không ký biên bản bỏ về.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Lã Văn H và bà Nguyễn Thị L2 và vợ chồng ông Lê Hồng P1. Đã được thông báo đến Tòa án để làm việc nhưng vắng mặt không lý do tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Hoàng Khánh L yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, Hoàng Thị L1 trả lại cho ông phần đất mà vợ chồng ông P, bà L1 đang sử dụng là đất nông nghiệp thuộc một phần thửa 188, tờ bản đồ số 14, tại thôn H, xã Đ, có các cạnh như trong Họa đồ đo vẽ do Công ty TNHH A2 đo vẽ ngày 30/8/2022. Diện tích đất nông nghiệp 55m^2 (Trong đó có 16,6m^2 nằm trong hành lang lộ giới, 38,4m^2 không nằm trong hành lang lộ giới). Còn phần đất 72,8m^2 đất nông nghiệp phía sau ông cho vợ chồng ông P, bà L1 cho thẳng với đất của vợ chồng ông P, bà L1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 không đồng ý với yêu cầu của ông L và cho rằng đất sang nhượng của vợ chồng anh Lã Văn H có diện tích 467,80m^2 có sổ sách đầy đủ do Nhà nước cấp, đất có mốc một bên là cây bằng lăng giáp đất nhà ông P1, bà Vân A1 và một bên xà cừ giáp đất nhà ông L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị Vân A cho rằng bà mua đất của ông Trần Văn T3 giáp với ông L có bờ lô phía trên bờ lô là của nhà bà, còn phía dưới bờ lô là đất ông L. Sau đó, vợ chồng bà sang nhượng cho vợ chồng anh Lã Văn H, bà Nguyễn Thị L2 một phần thửa 187 (thửa mới 399), tờ bản đồ số 14, chỉ ranh từ cây bằng lăng và một bên xà cừ chứ không biết diện tích bao nhiêu.

Người làm chứng anh Trần Thế V1 cho biết: Việc tăng giảm diện tích đất của vợ chồng ông P, bà L1 do có sự thay đổi kích thước số đo do bà T1 là vợ ông L chỉ ranh. Sau khi xem lại Họa đồ đo vẽ do Công ty TNHH A2 đo vẽ ngày 30/8/2022 thì thấy rằng giữa các hộ liền kề sử dụng đất không đúng với bản đồ địa chính.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Khánh L.

Đối với "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Hoàng Khánh L với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 phải trả lại phần đất nông nghiệp cho ông Hoàng Khánh L, diện tích 55m^2 (trong đó diện tích 16,6m^2 đất nằm trong hành lang lộ giới, 38,4m^2 diện tích đất không nằm trong hành lang lộ giới), thuộc một phần thửa 188, tờ bản đồ số 14 giáp đường T (Mỏ vẹt), tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có Họa đồ ngày 30/8/2022 kèm theo).

Đình chỉ phần yêu cầu đối với diện tích 72,80m^2 đất nông nghiệp, thuộc phần thửa 188, tờ bản đồ số 14. Phần diện tích đất này ông L cho vợ ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 trước đây.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/9/2023 bị đơn ông Nguyễn Xuân P; bà Hoàng Thị L1 kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư T cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn.

Nguyên đơn ông Hoàng Khánh L không đồng ý với kháng cáo của bị đơn ông P, bà L1 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa một phần Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất"* là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 thấy rằng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 thấy rằng:

[3.1] Về nguồn gốc đất:

Nguyên đơn ông Hoàng Khánh L trình bày nguồn gốc đất do ông khai phá năm 1980. Sau đó, ông đăng ký kê khai và được chấp GCNQSDĐ đất số hiệu số L 005285, ngày 20/12/1997 thửa đất số 188, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.987m^2 (thu hồi làm đường 231m^2), diện tích còn lại 5.756m^2, tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 cho rằng ông bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lã Văn H, bà Nguyễn Thị L2, được cấp GCNQSDĐ số hiệu CH 406367, ngày 31/3/2017, thửa đất số 399, tờ bản đồ số 14, diện tích hiện tại là 467,6m^2. Nguồn gốc đất của ông vợ chồng ông Lã Văn H, bà Nguyễn Thị L2 nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Lê Hồng P1 và bà Nguyễn Thị Vân A, diện tích 387m^2 (có số đo theo Biên bản xác định ranh giới, mốc thửa đất chuyển quyền, chuyển đổi quyền sử dụng đất ngày 26/9/2003, cụ thể: Giáp đường liên thôn 32m, giáp đất ông L cạnh 8m, cạnh 15m, cạnh 16,5m; giáp đất ông P1 18m).

[3.2] Theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A2 thực hiện ngày 30/8/2022 thì phần diện tích đất tranh chấp được xác định có ký hiệu số 3 diện tích 71,9m^2, trong đó phần thuộc thửa 188 là 55m^2 (trong đó có 16,6m^2 đất nằm trong hành lang lộ giới và 38,4m^2 không năm trong hành lang lộ giới). Đồng thời, qua lồng ghép bản đồ địa chính thì không có sự chồng lấn đối với ranh cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Khánh L đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 14 và ranh cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 đối với thửa đất số 399, tờ bản đồ số 14.

Việc tăng diện tích tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 14 được Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định tại Văn bản số 881/UBND ngày 09/8/2022 là do hai phương pháp đo đạc và tính toán diện tích khác nhau. Do đó, không có căn cứ để xác định việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 là có sự chồng lấn với GCNQSDĐ cấp cho ông Hoàng Khánh L.

Bên cạnh đó, theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 40636 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 31/3/2017 thì số đo cạnh của thửa 399, tờ bản đồ số 14 giáp đường T (Mỏ vẹt) là 33,3m. Qua đo đạc thực tế thì số đo cạnh giáp đường T (Mỏ vẹt) của thửa 399 là 29,2m. Tuy nhiên, sau khi lồng ghép bản đồ địa chính thì việc giảm 4,1m này là do sự chỉ ranh của bà Hoàng Thị L1 đối với phần giáp đất ông P1 chưa chính xác.

Như vậy, căn cứ vào họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A2 thực hiện ngày 30/8/2022 thì việc giải quyết vụ án chỉ xem xét đến yêu cầu về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất của ông Hoàng Khánh L đối với vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Khánh L về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 trả một phần đất diện tích diện tích 55m^2 (trong đó diện tích 16,6m^2 đất nằm trong hành lang lộ giới, 38,4m^2 diện tích đất không nằm trong hành lang lộ giới thuộc một phần thửa 188, tờ bản đồ số 14 giáp đường T (Mỏ vẹt) là có căn cứ.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Tổng số tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 16.568.880đ. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hoàng Khánh L rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 đối với diện tích 72,80m^2 đất nông nghiệp, thuộc phần thửa 188, tờ bản đồ số 14. (Phần diện tích đất này ông L cho vợ ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 trước đây). Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn 55m^2 (trong đó diện tích 16,6m^2 đất nằm trong hành lang lộ giới, 38,4m^2 diện tích đất không nằm trong hành lang lộ giới), thuộc một phần thửa 188, tờ bản đồ số 14 giáp đường T (Mỏ vẹt), tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nên cần buộc cả nguyên đơn ông L và bị đơn ông P, bà L1 cùng phải chịu tiền chi phí tố tụng (16.568.880đ/2 = 8.284.440đ). Do nguyên đơn ông L đã nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng trên nên buộc bị đơn ông P, bà L1 phải thanh toán lại số tiền là 8.284.440đ cho ông L là phù hợp.

[5] Từ những phân tích nhận định trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông P, bà L1. Và cần sửa Bản án sơ thẩm về phần chi phí tố tụng.

[6] *Về án phí:*

[6.1] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hoàng Khánh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6.2] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn ông P, bà L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Khánh L.

Đối với *"Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn ông Hoàng Khánh L với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1.

1.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 phải trả lại phần đất nông nghiệp cho ông Hoàng Khánh L, diện tích 55m^2 (trong đó diện tích 16,6m^2 đất nằm trong hành lang lộ giới, 38,4m^2 diện tích đất không nằm trong hành lang lộ giới), thuộc một phần thửa 188, tờ bản đồ số 14 giáp đường T (Mỏ vẹt), tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. *(Có sơ đồ ngày 30/8/2022 kèm theo).*

1.2. Đình chỉ phần yêu cầu đối với diện tích 72,80m^2 đất nông nghiệp, thuộc phần thửa 188, tờ bản đồ số 14. Phần diện tích đất này ông L cho vợ ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 trước đây.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Buộc ông Hoàng Khánh L phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 8.284.440đ (Tám triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng). *(Ông L đã nộp đủ và đã được quyết toán xong)*

2.2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 8.284.440đ. Do ông L đã nộp số tiền trên nên cần buộc ông ông P, bà L1 phải thanh toán lại số tiền 8.284.440đ *(Tám triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng)* cho ông Hoàng Khánh L.

3. Về án phí:

3.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân P, bà Hoàng Thị L1 phải nộp 1.833.334đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu số 0009947 và 0009948 ngày 05/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh. Ông P, bà L1 còn phải nộp số tiền 1.233.334đ *(Một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng)*.

3.2. Hoàn trả cho ông Hoàng Khánh L số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009870 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. Đạ Tẻh (02);
- VKSND H. Đạ Tẻh (01);
- Chi cục THADS H. Đạ Tẻh (01);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (12);
- Lưu AV – HS (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh